

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 67/2019/HS-ST

Ngày: 26.9.2019

NHÂN DANH

NUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Hoa Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quang Khai - Ông Phan Vũ Anh Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

TRỊNH MINH T – Tên gọi khác: **Bé**, sinh năm 1989 tại Bình Thuận;
Nơi cư trú: Khu phố 4, phường Bình T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn H, sinh năm 1953 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Có vợ: Trần Thị Kim O, sinh năm 1994 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 11/6/2019; hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã L.

*** Bị hại:** Chị **Ngô Thị Ngọc D**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường Bình t, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà **Nguyễn Ngọc Thụy V**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 6, phường Phước H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 24/02/2019, phát hiện nhà chị Ngô Thị Ngọc D (sát vách nhà bị cáo T) đã đóng cửa đi ngủ nên T leo qua hàng rào ngăn cách giữa hai nhà, nhìn qua khe cửa sổ thì thấy trên tủ gỗ gần cửa sổ có để 01 chiếc điện thoại di động nên T lén lút mở cửa sổ và lấy trộm chiếc điện thoại trên. Sau đó, T mang chiếc điện thoại vừa trộm được đem xuống tiệm điện thoại Tân Thành, thuộc khu phố 6, phường Phước H, thị xã L cầm cố cho chị Nguyễn ngọc Thụy V với giá 1.000.000 đồng. Đến ngày 25/02/2019, chị D phát hiện mất điện thoại, nghi ngờ T là người lấy trộm nên chị D trình báo công an phường Bình T. Quá trình làm việc với Công an phường, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo Kết luận định giá số 15/KL-ĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L xác định: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh dương đã qua sử dụng, còn hoạt động có giá trị là 2.700.000 đồng.

Trong thời gian được Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, T tiếp tục có hành vi tàng trữ ma túy, cụ thể: Khoảng 15 giờ 30' ngày 11/6/2019, tại quán cà phê Song Trang thuộc khu phố 1, phường Bình T, qua theo dõi, kiểm tra, Đội Phòng chống ma túy và tội phạm Đoàn Biên phòng Phước Lộc phát hiện T có hành vi tàng trữ 01 bịch nylon kích thước (04 x 06) cm, trong chứa 04 bịch nylon, mỗi bịch có kích thước (1 x 2) cm được hàn kín bên trong chứa ác hạt tinh thể màu trắng, dạng rắn. T khai nhận đây là 04 bịch ma túy đá T tàng trữ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Tại Bản kết luận giám định số 512/KLGD-PC09 ngày 14/6/2019 xác định: Mẫu M gửi giám định có khối lượng là 0,4218gam, là Methamphetamine.

Vật chứng vụ án: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J7 Pro, hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại theo biên bản trả lại tài sản ngày 06/6/2019, 01 xe mô tô 86B6-094.82 thu giữ trong quá trình bắt giữ bị cáo, cũng đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Ph. Riêng 05 gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,2291 gam mẫu vật còn lại sau giám định, Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi

cục thi hành án dân sự thị xã L quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/7/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Ngô Thị Ngọc D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu Nguyễn Minh T bồi thường gì thêm về dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc Thụy V yêu cầu bị cáo hoàn trả là số tiền 1.000.000 đồng, đã nhận cầm cố chiếc điện thoại di động từ bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 29/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã công bố.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hình phạt:** Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T, mức án từ 09 đến 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo T, mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt đối với T

- **Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng: Các Điều 122, 127 và Điều 131, Điều 357 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Ngọc Thụy V số tiền 1.000.000 đồng;

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 05 gói nylon đã cắt mẫu và 0,2291gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 512, hiện Chi cục thi hành án thị xã L quản lý.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố vụ án, Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại Tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố. Xét, lời khai của bị cáo tại Tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ căn cứ khẳng định: Vào lúc 21 giờ 00 ngày 24/02/2019, tại khu phố 4, phường Bình T, thị xã L, bị cáo T đã có hành vi lén lút trèo qua tường rào, mở cửa sổ bên hông nhà và chiếm đoạt 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh dương, trị giá 2.700.000 đồng của chị Ngô Thị Ngọc D đang để sạc pin gần cửa sổ, sau đó bị cáo mang đến tiệm điện thoại Tân Thanh (do chị Nguyễn Ngọc Thụy V làm chủ), cầm cố lấy số tiền 1.000.000 đồng để tiền xài cá nhân.

Trong thời gian Cơ quan điều tra đang xử lý hành vi phạm tội của bị cáo, vào lúc 15 giờ 30' ngày 11/6/2019, tại quán cà phê Song Trang thuộc khu phố 1, phường Bình T, thị xã L, bị cáo T có hành vi tàng trữ 0,4218 gam Methamphetamine (04 bịch nylon, bên trong có chứa các tinh thể màu trắng, dạng rắn) trong túi quần thì bị lực lượng Biên phòng bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật.

Các hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1

Điều 173 và Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo T về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] **Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:** Xét thấy, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe mặc dù nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác cũng như việc tàng trữ, mua bán, vận chuyển ... các chất ma túy là vi phạm pháp luật và bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do tham lam, nghiện ngập, bị cáo đã lợi dụng đêm tối, bị hại ngủ say, không quản lý được tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt, mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, trong thời gian được tại ngoại, phục vụ điều tra, bị cáo tiếp tục có hành vi tìm mua ma túy, cất giấu trong người để phục vụ nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác cũng như chính sách độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương. Do vậy, cần thiết phải xử lý thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để không những cải tạo và giáo dục chính bị cáo mà còn làm gương cho những người khác đồng thời để bị cáo có thời gian cai nghiện, từ bỏ ma túy.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhìn nhận hành vi phạm tội; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt. Khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Ngô Thị Ngọc D đã nhận lại 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc Thụy V, yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng, chị Vy đã nhận cầm cố chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro từ bị cáo, xét thấy, thời điểm nhận cầm cố tài sản, chị V không biết chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, giao dịch cầm cố giữa chị Vy và bị cáo vô hiệu do bị lừa dối. Do đó, bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Ngọc Thụy V số tiền đã nhận là 1.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 05 gói nylon đã cắt mẫu và 0,2291gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 512, là vật nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với các vật chứng khác, quá trình điều tra đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo T (Bé) phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép các chất ma túy”.

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo T **09 (chín) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo T **02 (Hai) năm tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

3. Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **02 (Hai) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2019.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 122, Điều 127, Điều 131, Điều 357 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Ngọc Thụy V số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự : Tịch thu tiêu hủy 05 gói nylon đã cắt mẫu và 0,2291gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 512, hiện Chi cục thi hành án thị xã L quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/7/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

6. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải nộp **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hoa Nga